

Vietnam Daily Review

VN-Index trải qua một phiên âm hiểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/8/2022		•	
Tuần 29/8-2/9/2022		•	
Tháng 8/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với gap âm gần 20 điểm và duy trì đà đi xuống trong cả phiên sáng. Tuy nhiên sang đến phiên chiều, chỉ số đột ngột đảo chiều tăng mạnh, ngoạn mục thu hẹp đà giảm từ 2.6% còn 0.92% lúc kết phiên, đóng cửa tại ngưỡng 1,270. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng, 13/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Dù hôm nay thị trường có một phiên giảm điểm khá mạnh, tuy nhiên cây nến rút chân cho thấy dòng tiền vẫn còn hứng thú với thị trường, và chỉ số vẫn kết phiên trên SMA100. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ giằng co tại ngưỡng hỗ trợ cũ 1,270-1,275 – nay đã thành ngưỡng kháng cự.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp điều chỉnh của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/8/2022, các chứng quyền đều giảm theo xu hướng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-11.77** điểm, đóng cửa **1270.8** điểm. HNX-Index **-3.96** điểm, đóng cửa **295.54** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.12)**, **MWG (+0.67)**, **DPM (+0.35)**, **DCM (+0.33)**, **PVD (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.35)**, **VNM (-0.74)**, **HPG (-0.74)**, **CTG (-0.67)**, **TCB (-0.67)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,807** tỷ đồng, tăng **28.1%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,562 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 33.4 điểm. Thị trường có **73** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **399** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-373.22** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TLG (-101.86 tỷ)**, **DGC (-54.26 tỷ)**, **FUEVFNND (-36.45 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7.45** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1270.80**

Giá trị: 18806.6 tỷ **-11.77 (-0.92%)**

Khối ngoại (ròng): -373.22 tỷ

HNX-INDEX **295.54**

Giá trị: 2601.04 tỷ **-3.96 (-1.32%)**

Khối ngoại (ròng): 7.45 tỷ

UPCOM-INDEX **91.57**

Giá trị: 1051.99 tỷ **-1.31 (-1.41%)**

Khối ngoại (ròng): -9.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	93.8	0.81%
Giá vàng	1,722	-0.92%
Tỷ giá USD/VND	23,417	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,802	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	16,881	0.00%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	0.10%
LS TPCP 5 năm	3.1%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DXG	26.23	TLG	-101.86
MSN	21.39	DGC	-54.26
VHM	18.78	FUEVFNND	-36.45
PVT	16.95	HPG	-33.26
PVD	16.85	VIC	-28.67

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	66	11	-2.65%	Có thể tiếp tục mua
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	29.7	24	0.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	63	25	1.12%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2022	REE	81.2	93	76	84	26	3.45%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	POW	13.75	16	13	13.95	27	1.45%	Có thể tiếp tục mua
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	43.8	28	6.18%	Có thể tiếp tục mua
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	24.95	42	7.54%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

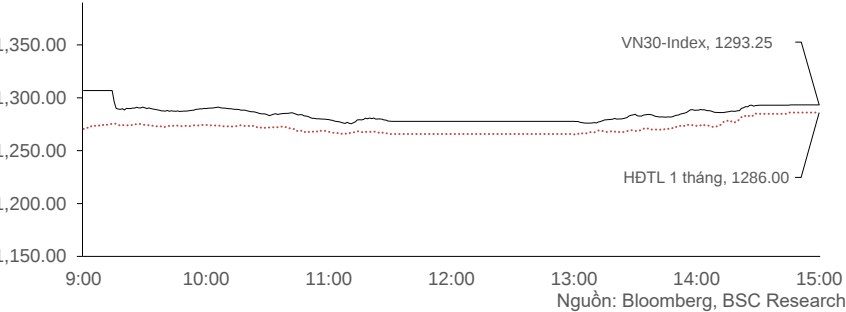
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	1	3.40%	-2.65%	2.54%	26
Cổ phiếu đã chốt	249	222	7.10%	-7.53%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2209	1286.00	-0.54%	-7.25	9.4%	236,351	9/15/2022	19
VN30F2210	1279.80	-0.56%	-13.45	164.0%	1,072	10/20/2022	54
VN30F2212	1269.00	-1.09%	-24.25	208.5%	145	12/15/2022	110
VN30F2203	1264.30	-0.92%	-28.95	159.5%	96	3/16/2023	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -13.56 điểm xuống 1293.25 điểm, biên độ dao động 20.63 điểm. Các cổ phiếu như TCB, HPG, VIC, VPB, và VNM đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm mạnh với biên độ rộng, thanh khoản tăng vượt ngưỡng 20 phiên cho thấy xu hướng bán tháo trong ngắn hạn theo diễn biến chung của thị trường cơ sở. Các nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp điều chỉnh của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2212 giảm, các HĐ còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2207	11/7/2022	70	5:1	3,300	34.72%	3,090	1,350	4.65%	422	3.20	78,315	75,565	74,000
CMWG2204	10/7/2022	39	4.97:1	676,700	34.72%	3,000	850	0.00%	367	2.32	75,261	45,000	74,000
CKDH2201	10/5/2022	37	2.72:1	203,500	33.40%	1,500	20	0.00%	0	188.51	56,151	61,618	37,600
CMWG2206	1/9/2023	133	16:1	22,400	34.72%	2,590	1,480	-0.67%	65	22.78	103,580	88,060	74,000
CPNJ2203	10/3/2022	35	2:1	111,400	39.86%	1,300	780	-2.50%	7,763	0.10	111,030	109,999	116,500
CTPB2204	3/28/2023	211	4.85:1	218,500	42.08%	1,000	800	-3.61%	1,399	0.57	29,223	23,888	27,700
CFPT2207	12/12/2022	105	2:1	763,800	32.91%	3,000	3,570	-4.29%	7,239	0.49	74,818	75,000	86,500
CSTB2214	1/9/2023	133	5:1	95,700	45.56%	1,630	2,430	-6.18%	884	2.75	27,000	23,000	24,850
CSTB2215	3/28/2023	211	5:1	761,200	45.56%	1,100	1,310	-6.43%	1,128	1.16	25,572	22,222	24,850
CSTB2213	1/3/2023	127	2:1	892,400	45.56%	1,000	570	-6.56%	1,762	0.32	25,484	24,444	24,850
CHPG2215	3/28/2023	211	10:1	1,483,300	37.39%	1,000	590	-7.81%	341	1.73	33,399	22,999	23,000
CTPB2205	12/12/2022	105	7.77:1	71,800	42.08%	4,000	1,990	-10.76%	408	4.88	28,622	28,000	27,700
CHPG2217	12/26/2022	119	7.26:1	61,800	37.39%	3,000	1,960	-12.11%	234	8.37	30,227	25,000	23,000
CTCB2205	10/19/2022	51	10:1	1,000	32.02%	2,300	330	-15.38%	24	13.57	72,800	46,500	38,750
CFPT2201	9/20/2022	22	3.3:1	728,500	32.91%	2,100	620	-16.22%	830	0.75	89,429	106,000	86,500
CMBB2201	9/20/2022	22	2:1	224,400	34.68%	2,700	370	-22.92%	220	1.68	25,783	29,500	23,400
CVRE2207	10/20/2022	52	2:1	20,900	39.59%	1,000	140	-26.32%	266	0.53	33,773	33,333	28,400
CVPB2201	9/20/2022	22	16:1	267,200	37.04%	1,300	60	-40.00%	4	14.24	56,200	37,000	31,200
CSTB2201	9/21/2022	23	3:1	849,000	45.56%	1,500	40	-42.86%	51	0.79	34,778	29,888	24,850
CHDB2201	9/21/2022	23	5:1	260,300	35.30%	1,500	30	-50.00%	9	3.32	31,099	30,999	25,950
Tổng		7,717,100	38.15%**										

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/8/2022, các chứng quyền đều giảm theo xu hướng của cổ phiếu cơ sở.
- CVJC2204 và CNVL2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 50% và 20.68%. Giá trị giao dịch giảm -11.38%. CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.08%.
- CSTB2208, CVPB2201, CKDH2209, và CVNM2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVHM2206, CHDB2205, CVRE2208, và CPOW2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHDB2204, CPOW2203, CPOW2202, và CPNJ2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MWG	74.00	2.49	1.91
GAS	117.50	2.00	0.23
BVH	57.30	0.53	0.02
MSN	112.20	0.00	0.00
SAB	188.00	0.00	0.00
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
TCB	38.8	-1.90	-1.77
HPG	23.0	-2.13	-1.65
VIC	63.6	-2.15	-1.38
VPB	31.2	-1.27	-1.29
VNM	75.5	-1.82	-1.21
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.0	2.5%	0.6	4,709	24.1	3,436	21.5	4.8	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	116.5	-1.1%	0.6	1,228	5.2	5,978	19.5	3.5	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	57.3	0.5%	1.2	1,849	3.4	2,380	24.1	1.9	26.6%	8.3%
PVI	Bảo hiểm	48.8	-0.2%	0.7	497	0.1	3,289	14.8	1.4	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	63.6	-2.2%	0.5	10,546	3.7	#N/A N/A	#N/A N/A	#N/A N/A	12.2%	#VALUE!
VRE	Bất động sản	28.4	-1.6%	1.1	2,806	2.4	571	49.8	2.0	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	59.7	-1.0%	0.8	11,302	5.3	6,442	9.3	2.2	23.1%	25.8%
DXG	Bất động sản	27.2	-2.9%	1.4	718	27.1	1,223	22.2	1.8	29.6%	8.2%
SSI	Chứng khoán	24.4	-1.6%	1.8	1,580	29.9	2,674	9.1	1.8	35.5%	22.0%
VCI	Chứng khoán	38.0	1.6%	1.0	720	12.7	3,497	10.9	2.3	13.5%	24.3%
HCM	Chứng khoán	26.8	-2.5%	1.6	533	15.4	2,522	10.6	1.6	41.1%	17.5%
FPT	Công nghệ	86.5	-0.8%	0.9	4,126	8.3	4,512	19.2	4.9	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	70.4	-0.1%	0.4	1,005	0.0	4,926	14.3	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	117.5	2.0%	1.0	9,778	3.4	6,669	17.6	3.8	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	42.9	-1.4%	1.5	2,370	4.4	514	83.4	2.4	17.6%	3.1%
PVS	Dầu khí	29.0	7.4%	1.6	603	19.6	1,104	26.3	1.2	9.6%	4.4%
BSR	Dầu khí	26.1	2.0%	0.8	3,518	19.5	2,108	12.4	2.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.0	-1.4%	0.3	523	0.1	6,361	14.5	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	55.0	6.8%	1.3	936	18.0	14,563	3.8	1.6	15.6%	51.9%
DCM	Hóa chất	37.9	6.9%	1.3	872	21.1	7,025	5.4	2.0	8.7%	44.7%
VCB	Ngân hàng	82.5	0.0%	0.8	16,975	3.4	#N/A N/A	#N/A N/A	#N/A N/A	23.5%	#VALUE!
BID	Ngân hàng	39.0	-1.0%	1.2	8,577	2.3	2,562	15.2	2.2	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	27.9	-1.9%	1.5	5,830	5.0	3,056	9.1	1.3	26.8%	15.1%
VPB	Ngân hàng	31.2	-1.3%	1.2	6,071	24.2	3,755	8.3	1.5	17.5%	22.2%
MBB	Ngân hàng	23.4	-0.8%	1.3	4,613	12.0	3,467	6.8	1.6	19.4%	26.0%
ACB	Ngân hàng	24.6	-1.0%	1.1	3,605	3.4	3,482	7.0	1.6	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	63.7	-0.9%	0.7	227	0.2	4,413	14.4	2.1	85.2%	15.2%
NTP	Nhựa	42.7	-1.4%	0.6	241	0.2	3,914	10.9	1.9	17.7%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.3	-3.0%	1.6	922	0.2	178	108.4	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.0	-2.1%	1.1	5,815	32.4	4,747	4.8	1.3	20.5%	31.8%
HSG	Thép	20.7	-3.0%	1.6	449	12.0	4,213	4.9	0.9	6.6%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	75.5	-1.8%	0.5	6,861	10.9	4,055	18.6	4.6	54.8%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	188.0	0.0%	0.8	5,242	0.9	7,018	26.8	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	112.2	0.0%	1.0	6,945	2.8	7,172	15.6	5.5	28.8%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-1.4%	1.6	490	1.1	1,381	13.0	1.3	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	91.0	0.6%	0.8	8,613	0.1	363	250.8	5.3	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	122.0	-0.8%	1.1	2,873	2.3	695	175.5	3.8	16.6%	2.2%
HVN	Vận tải	17.1	-3.4%	1.7	1,642	1.3	(4,381)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	51.1	-1.7%	1.0	670	2.9	2,702	18.9	2.2	46.8%	12.5%
PVT	Vận tải	22.4	3.2%	1.5	315	5.1	2,000	11.2	1.3	13.9%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.7	-3.0%	0.8	534	1.1	10,334	7.4	2.5	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	67.8	-2.9%	0.7	1,322	5.7	4,350	15.6	4.0	5.4%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.8%	1.1	265	0.6	505	31.7	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	69.8	-0.6%	1.2	224	3.2	(961)	#N/A N/A	0.6	52.5%	-0.8%
CII	Xây dựng	23.5	-3.3%	1.5	258	11.5	1,446	16.3	1.1	10.0%	6.9%
REE	Điện	84.0	0.6%	-1.4	1,298	5.4	6,593	12.7	2.1	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.5	-1.4%	-0.4	404	4.5	2,077	19.0	1.9	4.5%	10.5%
POW	Điện	14.0	-2.1%	0.6	1,420	8.7	676	20.6	1.1	2.5%	5.3%
NT2	Điện	25.5	-0.4%	0.6	319	1.2	3,116	8.2	1.7	14.5%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	35.6	-3.8%	1.5	1,188	22.5	3,267	10.9	1.6	18.4%	18.5%
BCM	Khu công nghiệp	89.0	-2%	0.9	4,005	0.9	1,640	54.3	5.3	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	117.50	2.00	1.12	669800
MWG	74.00	2.49	0.67	7.69MLN
DPM	55.00	6.80	0.35	7.77MLN
DCM	37.90	6.91	0.33	13.22MLN
PVD	21.50	6.97	0.18	18.59MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.74	32.47MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.67	4.12MLN	607060
HPG	0.00	-0.67	4.47MLN	373600
CTG	0.00	-0.66	2.04MLN	192700
TCB	0.00	-0.59	2.66MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SKG	20.65	6.99	0.02	1.83MLN
KPF	22.20	6.99	0.02	649000
PTL	7.21	6.97	0.01	212200
PVD	21.50	6.97	0.18	18.59MLN
HOT	30.75	6.96	0.00	800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	63.60	-2.15	-1.35	1.34MLN
VNM	75.50	-1.82	-0.74	3.31MLN
HPG	23.00	-2.13	-0.74	32.47MLN
CTG	27.90	-1.93	-0.67	4.12MLN
TCB	38.75	-1.90	-0.67	4.47MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

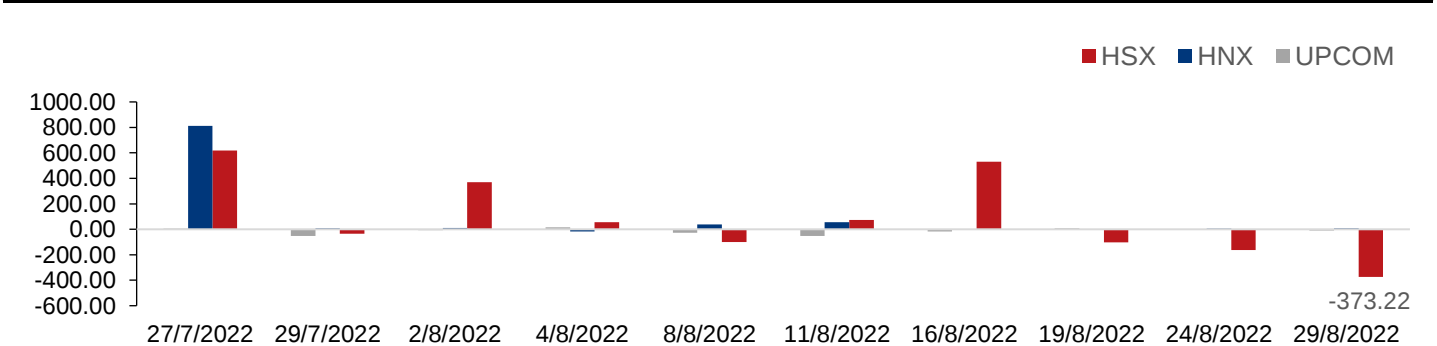
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	29.00	7.41	0.78	16.39MLN
PVC	23.10	10.00	0.11	4.71MLN
TAR	27.70	5.73	0.07	2.49MLN
DNP	25.00	1.63	0.06	4300.00
HLD	39.80	6.42	0.04	105332

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	55.40	-3.15	-1.03	39701
IDC	64.40	-2.13	-0.57	7.46MLN
CEO	32.00	-3.03	-0.32	6.28MLN
BAB	16.80	-1.18	-0.24	8003
NVB	26.00	-1.14	-0.23	141188

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVC	23.10	10.0	0.11	4.71MLN
DIH	36.50	9.9	0.02	9300
TJC	16.60	9.9	0.00	3100
DNC	44.50	9.9	0.01	100
TKC	8.90	9.9	0.01	242018.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
API	52.20	-10.00	-0.14	1.28MLN
UNI	14.40	-10.00	-0.03	57600
PTD	14.50	-9.94	0.00	200
SGD	21.50	-9.66	-0.01	4800
SFN	25.80	-9.47	-0.01	100

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	55.0	14,563	3.8	1.6	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.0	505	31.7	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.5	3,116	8.2	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.5	0	#N/A N/A	0.9	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	39.0	2,692	14.5	1.4	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.0	1,168	19.7	2.1	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.5	2,077	19.0	1.9	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	14.0	676	20.6	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	21.4	6,984	3.1	0.9	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	84.0	6,593	12.7	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.6	4,406	8.3	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	117.5	6,669	17.6	3.8	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	51.9	3,842	13.5	2.4	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	17.0	4,170	4.1	1.8	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	26.1	2,108	12.4	2.2	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	73.0	3,789	19.3	6.2	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	116.5	5,978	19.5	3.5	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.6	1,889	8.3	0.7	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.5	3,116	8.2	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	73.5	10,763	6.8	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	88.6	5,014	17.7	5.7	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.5	2,077	19.0	1.9	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.5	66	218.4	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	86.5	4,512	19.2	4.9	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.7	2,277	13.0	2.0	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	21.4	6,984	3.1	0.9	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	14.0	676	20.6	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.5	5,978	19.5	3.5	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	74.0	3,436	21.5	4.8	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	22.4	2,000	11.2	1.3	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	97.3	12,417	7.8	4.0	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	35.6	3,267	10.9	1.6	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	25.5	5,269	4.8	1.6	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.2	1,223	22.2	1.8	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	71.0	4,503	15.8	5.4	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	51.9	3,842	13.5	2.4	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.3	2,905	9.1	1.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	89.0	11,226	7.9	2.3	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.5	1,941	15.2	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.8	3,289	14.8	1.4	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.0	1,104	26.3	1.2	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	117.5	6,669	17.6	3.8	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	26.0	4,011	6.5	1.8	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	69.8	-961	#N/A N/A	0.6	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.6	1,889	8.3	0.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
3	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
13	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
16	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
18	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
22	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
25	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
28	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
31	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
38	Banking Sector Outlook		x	Click
39	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
41	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
42	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639